

Bản án số: 12/2024/DS-ST

Ngày 22-8-2024

Về việc “Tranh chấp về quyền sở hữu”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHI XUÂN, TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Trung Thông.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Sỹ Đàn và ông Trần Thanh Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Ngọc Bích - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nghi Xuân.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Nghi Xuân tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Huy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 12/2023/TLST-DS ngày 23/10/2023 về việc “Tranh chấp về quyền sở hữu” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2024/QĐST-DS ngày 24/4/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2024/QĐST-DS, ngày 24/5/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2024/QĐST-DS, ngày 24/6/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2024/QĐST-DS, ngày 24/7/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Th; Sinh năm: 1960; Địa chỉ: TDP A, thị trấn Chư Ty, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Anh D; sinh năm: 2001; Địa chỉ: Thôn A, xã Long Sơn, huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An; (Văn bản ủy quyền ngày 27/10/2023); có mặt.

2. Bị đơn: Ông Lê Minh Kh; Sinh năm: 1956; Trú tại: Thôn A, xã Xuân Phổ, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị H; sinh năm 1969; Trú tại: Thôn A, xã Xuân Phổ, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Trần Thị Th trình bày tại đơn khởi kiện và Bản tự khai cũng như Người đại diện theo ủy quyền tại phiên tòa trình bày: Bà Nguyễn Thị Thu và ông Lê Minh Kh có thời gian chung sống với nhau như vợ chồng có tạo lập chung với nhau thửa đất số 225 tờ bản đồ số 02 bản đồ 299 tại Thôn Kiều Văn (nay là Thôn 5), xã Xuân Phổ, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh. Năm 2017

tại bản án số 133/HNGĐ-ST, ngày 27/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh bà Th được chia 205,6m². Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật Cơ quan thi hành án dân sự huyện Nghi Xuân đã cưỡng chế giao đất cho bà Th theo nội dung bản án với diện tích thực tế 203,1m². Sau đó bà Th đã làm hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng UBND huyện Nghi Xuân từ chối do ông Kh có đơn đề nghị giám đốc thẩm; ngày 29/7/2019 Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội có công văn trả lời không có căn cứ giám đốc thẩm nhưng UBND huyện vẫn không giải quyết hồ sơ. Lợi dụng bà Th ở xa không có điều kiện quản lý tài sản khoảng năm 2019 ông Kh đã tiến hành xây dựng tường và mái tôn trên đất mà bà đã được chia xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của bà Th.

Nay bà Th yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Lê Minh Kh và bà Trần Thị H dời dọn tài sản theo kết quả xem xét thẩm định của Tòa án trả lại hiện trạng thửa đất bà được chia theo bản án số 133/HNGĐ-ST, ngày 27/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh tại thửa đất số 473 tờ bản đồ số 19 bản đồ đo đạc địa chính năm 2014 có diện tích 203,1m².

Bị đơn ông Lê Minh Kh: Quá trình giải quyết vụ án ngày 06/11/2023 ông Kh đã có bản ghi ý kiến trong đó trình bày các vi phạm của bản án số 133/HNGĐ-ST, ngày 27/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh và Quyết định số 03/2018/QĐ-PT ngày 16/5/2018 của TAND tỉnh Hà Tĩnh và đề nghị Tòa án hủy việc thụ lý vụ án và trả lại đơn khởi kiện cho bà Th. Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/4/2024 ông Kh trình bày: Vì Bản án Hôn nhân gia đình trước đây sai và Tòa án cấp cao và Tối cao đã thụ lý đơn của ông nhưng chưa trả lời, vì ông cho rằng việc thụ lý vụ án của Tòa án là không đúng, trong trường hợp này Tòa án phải trả lại đơn khởi kiện cho bà Th. Ông Kh thừa nhận việc ông xây dựng nhà tôn và tường xây là làm trên phần đất mà cơ quan thi hành án đã cưỡng chế và giao cho bà Th theo bản án số 133/2017/HNGĐ-ST ngày 27/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện Nghi Xuân nhưng ông cho rằng vì đất của ông thì ông có quyền làm.

Ngoài các lần nêu ý kiến và lấy lời khai trên ông Lê Minh Kh không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như các phiên tòa.

Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H quá trình giải quyết vụ án đều không chấp hành các lần triệu tập của Tòa án; Tòa án đã nhiều lần xuống làm việc với bà nhưng bà đều không hợp tác. Vì vậy Tòa án không có được ý kiến của bà về các vấn đề trong vụ án.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ thể hiện: Các tài sản được xây dựng mới trên thửa đất số 473 tờ bản đồ số 19 bản đồ đo đạc địa chính năm 2014 có diện tích 203,1m² đã được Cơ quan thi hành án dân sự huyện Nghi Xuân đã cưỡng chế giao đất cho bà Th gồm:

- Tường rào xây mới bao quanh chiều rộng 5,85m, chiều cao phía trước mái 1,70m và kéo dài ra phía sau cao 1,52m.

- Tường bao khung phía trong chiều cao 2,57m, chiều rộng 1,82m diện tích bao khung gỗ $2,45 \times 2,84 = 6,95\text{m}^2$; Cửa tôn $2,2\text{m} \times 2,88\text{m} = 6,33\text{m}^2$.
- Mái tôn xộp chống nóng tổng $22,7\text{m}^2$.
- Mái tôn khung tre và sắt tổng $36,3\text{m}^2$.
- Phía dưới mái tôn có khung tre và sắt có 01 cọc bê tông cao 1,2m.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Lê Minh Kh đời dọn các tài sản theo kết quả thẩm định của Tòa án trả lại hiện trạng thửa đất; bị đơn vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghi Xuân phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71 và Điều 234 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 72, 73 và Điều 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Lê Minh Kh và bà Trần Thị H đời dọn tài sản xây mới trả lại nguyên trạng thửa đất cho nguyên đơn bà Trần Thị Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nội dung vụ án, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp về quyền sở hữu tài sản” theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 Bộ luật tố tụng Dân sự; bị đơn ông Lê Minh Kh cư trú tại thôn A, xã Xuân Phổ, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh. Vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nghi Xuân theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không hợp tác, luôn trốn tránh nhằm gây khó khăn cho nguyên đơn và Tòa án. Tòa án đã phối hợp cùng chính quyền địa phương UBND xã Xuân Phổ là nơi bị đơn cư trú để giao nhận các văn bản tố tụng cũng như tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ ba, căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của bị đơn ông Lê Minh Kh đề nghị Tòa án hủy việc thụ lý vụ án và trả lại đơn khởi kiện cho bà Th vì ông cho rằng bản án số 133/HNGĐ-ST, ngày 27/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh vi phạm pháp luật, tuy nhiên ông không cung cấp được tài liệu chứng

cứ cho lời trình bày của mình. Tại Thông báo giải quyết đơn đề nghị giám đốc thẩm số 97/TB-TA ngày 29/7/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã khẳng định không có căn cứ để kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm đối với Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm vụ án hôn nhân và gia đình số 03/2018/QĐ-PT ngày 16/5/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh và Bản án số 133/HNGĐ-ST, ngày 27/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh. Như vậy yêu cầu hủy việc thụ lý vụ án và trả lại đơn khởi kiện cho bà Th của bị đơn ông Lê Minh Kh là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu của Nguyên đơn buộc ông Lê Minh Kh và bà Trần Thị H dời dọn tài sản trả lại hiện trạng thửa đất bà được chia theo bản án số 133/HNGĐ-ST, ngày 27/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh tại thửa đất số 473 tờ bản đồ số 19 bản đồ đo đạc địa chính năm 2014 có diện tích 203,1m²; HĐXX thấy rằng:

Bản án số 133/HNGĐ-ST, ngày 27/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh có hiệu lực pháp luật và được Chi cục thi hành án dân sự huyện Nghi Xuân cưỡng chế giao đất tại thực địa cho bà Trần Thị Th với diện tích 205,6m² vào ngày 27/11/2018. Như vậy căn cứ vào khoản 2 Điều 221 và Điều 235 của Bộ luật dân sự ngày 27/11/2018 bà Trần Thị Th là người được xác lập quyền sở hữu đối với đất và tài sản trên đất theo quyết định của bản án. Sau khi bà Th nhận đất theo trình bày của nguyên đơn và bị đơn khoảng 01 năm sau ông Kh, bà H đã xây dựng tường rào, tường bao khung lợp mái tôn trên phần đất bà Th đã được nhận theo bản án là vi phạm quyền sở hữu của bà Th được pháp luật bảo vệ. Vì vậy căn cứ Điều 158, Điều 160, Điều 161, Điều 163, Điều 164, Điều 166; Điều 169 của Bộ luật dân sự cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Th buộc ông Lê Minh Kh và bà Trần Thị H dời dọn tài sản đã xây dựng mới trên thửa đất đã được giao theo bản án của Tòa án gồm:

- Tường rào xây mới bao quanh chiều rộng 5,85m, chiều cao phía trước mái 1,70m và kéo dài ra phía sau cao 1,52m;
- Tường bao khung phía trong chiều cao 2,57m, chiều rộng 1,82m diện tích bao khung gỗ $2,45 \times 2,84 = 6,95\text{m}^2$;
- Cửa tôn $2,2 \times 2,88\text{m} = 6,33\text{m}^2$;
- Mái tôn xộp chống nóng tổng 22,7m²;
- Mái tôn khung tre và sắt tổng 36,3m²;
- Phía dưới mái tôn có khung tre và sắt có 01 cọc bê tông cao 1,2m.

[3] Về lệ phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ: Nguyên đơn nhất trí chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên HĐXX chấp nhận.

[4] Về án phí: Bị đơn là người cao tuổi nên được miễn án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của

Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. *Về Điều luật áp dụng:* Căn cứ Khoản 2 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 158, Điều 160, Điều 161, Điều 163, Điều 164, Điều 166; Điều 169, Điều 221, Điều 235 của Bộ luật dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 và mục A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án, ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. *Về nội dung:*

2.1. Không chấp nhận yêu cầu của bị đơn ông Lê Minh Kh về việc không thụ lý và trả lại đơn khởi kiện cho nguyên đơn bà Trần Thị Th.

2.2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn: Buộc ông Lê Minh Kh và bà Trần Thị H dời dọn các tài sản xây mới trên phần đất đã được giao theo bản án số 133/HNGĐ-ST, ngày 27/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh tại thửa đất số 473 tờ bản đồ số 19 bản đồ đo đạc địa chính năm 2014 có diện tích 203,1m² đã được Cơ quan thi hành án dân sự huyện Nghi Xuân đã cưỡng chế giao đất cho bà Th gồm:

- Tường rào xây mới bao quanh chiều rộng 5,85m, chiều cao phía trước mái 1,70m và kéo dài ra phía sau cao 1,52m.

- Tường bao khung phía trong chiều cao 2,57m, chiều rộng 1,82m diện tích bao khung gỗ 2,45x2,84 = 6,95m²; Cửa tôn 2,2mx2,88m = 6,33m².

- Mái tôn xộp chống nóng tổng 22,7m².

- Mái tôn khung tre và sắt tổng 36,3m².

- Phía dưới mái tôn có khung tre và sắt có 01 cọc bê tông cao 1,2m.

(Có sơ đồ bản vẽ kèm theo)

3. Về lệ phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ: Công nhận sự tự nguyện của đương sự, nguyên đơn chịu toàn bộ số tiền lệ phí xem xét thẩm định tại chỗ.

4. *Về án phí:* Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bị đơn ông Lê Minh Kh.

5. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện Nghi Xuân;
- Chi cục THADS huyện Nghi Xuân;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ; VP-TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Hoàng Trung Thông

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

